

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp Thừa Thiên Huế để quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ban Quản lý các khu công nghiệp Thừa Thiên Huế thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quản lý khu công nghiệp theo quy định tại Điều 27 Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Ban Quản lý các khu công nghiệp Thừa Thiên Huế có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu hình Quốc huy, có biên chế và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp Thừa Thiên Huế có Trưởng Ban, một số Phó Trưởng ban, một số ủy viên và bộ máy giúp việc.

Việc bổ nhiệm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, các ủy viên và quy định bộ máy giúp việc Ban Quản lý các khu công nghiệp Thừa Thiên Huế thực hiện theo các Điều 26, 28 của Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC

CÁC BỘ**LIÊN BỘ**

**BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ -
BỘ CÔNG NGHIỆP**

**THÔNG TƯ liên tịch số 01/1999/TTLT/
BVGCP-BCN ngày 10/2/1999 hướng
dẫn thực hiện giá bán điện tiêu
dùng sinh hoạt đến hộ dân nông
thôn.**

Thực hiện Văn bản số 1303/CP-KTTH ngày 03/11/1998 của Chính phủ quy định giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt đến hộ dân nông thôn, liên Bộ Ban Vật giá Chính phủ và Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt đến hộ dân nông thôn như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt đến hộ sử dụng điện ở nông thôn (sau đây gọi tắt là hộ dân nông thôn) được đặt trong tổng thể việc điều chỉnh hệ thống giá điện chung cả nước.

2. Giá bán điện hướng dẫn dưới đây áp dụng ở những nơi có lưới điện quốc gia.

3. Nhà nước khuyến khích đa dạng hóa các hình thức đầu tư, quản lý bán điện từ công tơ tổng đến hộ dân nông thôn theo Thông tư hướng dẫn này.

4. Tuyệt đối không được áp dụng hình thức khoán cho cai thầu tư nhân.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG GIÁ BÁN ĐIỆN TIÊU DÙNG SINH HOẠT ĐẾN HỘ DÂN NÔNG THÔN

1. Giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt đến hộ dân nông thôn áp dụng cho các mô hình quản lý điện nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chọn tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể của từng địa phương, các mô hình đó là: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã dịch vụ, Ban điện xã và Điện lực các tỉnh, thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (gọi tắt là tổ chức quản lý điện nông thôn).

2. Giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt đến hộ dân nông thôn:

2.1. Giá trần bán điện tiêu dùng sinh hoạt đến hộ dân nông thôn tại xã, thôn được áp dụng thống nhất là: 700 đồng/kwh.

2.2. Đối với những nơi (thôn, xã) hiện có mức giá điện bán đến hộ dân nông thôn thấp hơn mức giá trần 700 đồng/kwh thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với ngành Điện tiếp tục chỉ đạo các tổ chức quản lý điện nông thôn bán điện trực tiếp đến hộ dân nông thôn giữ như mức giá bán hiện hành, tuyệt đối không được điều chỉnh tăng giá bán.

2.3. Đối với những nơi giá điện bán đến hộ dân nông thôn hiện cao hơn mức giá trần 700 đồng/kwh thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo các ngành Tài chính Vật giá, Công nghiệp và tổ chức quản lý điện nông thôn phối hợp với Điện lực tỉnh, thành phố tìm biện pháp về kỹ thuật (cải tạo nâng cấp lưới điện, thay thế công tơ không đủ tiêu chuẩn, cân pha,...) và tổ chức quản lý (xóa bỏ cai thầu tư nhân, áp dụng mô hình quản lý phù hợp: ban điện xã, hợp tác xã, doanh nghiệp quản lý điện nông thôn,...) để giảm tổn thất điện năng, giảm chi phí vận hành bảo đảm thực hiện giá bán điện đến hộ dân nông thôn bằng mức giá trần 700 đồng/kwh.

Trường hợp cá biệt sau khi đã thực hiện các biện pháp nêu trên nhưng vẫn không bảo đảm đưa giá bán điện tiêu dùng sinh hoạt xuống ngang mức giá trần (700đ/kwh) thì tổ chức quản lý điện phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định mức giá bán điện đến hộ dân nông thôn cho hợp lý. Các tổ chức quản lý điện có trách nhiệm thực hiện đúng mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đã phê duyệt và có biện pháp phấn đấu sớm đưa mức giá bán điện cao hơn mức giá trần về mức giá trần.

2.4. Những nơi chưa có lưới điện, nay được Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đầu tư theo quy chế của Chính phủ, đưa điện về thôn, xã và do Điện lực tỉnh, thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với hộ dân nông thôn thì áp dụng giá bán điện sinh hoạt đến hộ dân nông thôn là 700 đồng/kwh.

Mức giá này cũng áp dụng đối với các tổ chức quản lý điện nông thôn (ngoài Điện lực tỉnh, thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam) tham gia đầu tư phát triển mới lưới điện nông thôn. Trường hợp cá biệt phải bán với giá cao hơn mức giá trần thì thực hiện theo quy định ở tiết 2.3 điểm 2 mục II nêu trên.

2.5. Đối với những nơi hộ dân nông thôn đã ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với ngành điện theo biểu giá quy định của Nhà nước trước khi có Văn bản số 1303/CP-KTTH ngày 03/11/1998 của Chính phủ thì vẫn thực hiện theo mức giá đang bán.

3. Giá bán điện phục vụ cho các mục đích hoạt động khác:

Các tổ chức quản lý điện nông thôn (kể cả Điện lực tỉnh và thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam) bán điện phục vụ mục đích hoạt động khác như sản xuất, xay xát, chế biến lương thực, kinh doanh dịch vụ, v.v áp dụng giá bán theo 3 trường hợp sau:

* Đối với lưới điện do Điện lực tỉnh, thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam quản lý bán điện phục vụ các mục đích khác nêu trên theo mức giá quy định tại biểu giá của Nhà nước trong từng thời kỳ.

* Đối với lưới điện do tổ chức quản lý điện nông thôn bán điện phục vụ sinh hoạt (ngoài Tổng Công ty Điện lực Việt Nam) đến hộ dân nông thôn với mức giá thấp hơn hoặc bằng 700 đồng/kwh thì cũng áp dụng giá bán điện cho các mục đích khác theo mức giá quy định tại biểu giá của Nhà nước trong từng thời kỳ.

* Đối với lưới điện do tổ chức quản lý điện nông thôn bán điện phục vụ sinh hoạt đến hộ dân nông thôn cao hơn mức giá 700 đồng/kwh thì các tổ chức quản lý điện phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định mức giá bán điện phục vụ các mục đích khác như sản xuất, xây sát, chế biến lương thực, kinh doanh theo nguyên tắc từng bước thực hiện được mức giá quy định của Nhà nước trong từng thời kỳ. Các tổ chức quản lý điện có trách nhiệm thực hiện đúng mức giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đã phê duyệt.

4. Hộ sử dụng điện khi dùng cho nhiều mục đích khác nhau, cần có công tơ đo đếm điện riêng cho từng mục đích để áp dụng mức giá cho hợp lý. Trường hợp chưa tách được công tơ đo đếm điện riêng thì hai bên mua và bán điện căn cứ vào công suất và thời gian sử dụng của phụ tải để thỏa thuận tỷ lệ áp giá bán điện cho hợp lý.

III. CƠ CẤU VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ BÁN ĐIỆN ĐẾN HỘ DÂN NÔNG THÔN

1. Cơ cấu giá bán điện và phương pháp tính giá bán điện đến hộ dân nông thôn bao gồm các khoản mục sau:

1.1. Giá mua điện theo mức giá bán buôn ở công tơ tổng đặt tại trạm biến áp của thôn, xã do Nhà nước quy định. Đối với một số thôn, xã không có trạm biến áp phải mua nhờ qua cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị bộ đội để phục vụ tiêu dùng sinh hoạt của hộ dân nông thôn thì lượng điện này được mua theo giá bán buôn tại công tơ tổng đặt ở máy biến áp theo giá quy định của Nhà nước trong từng thời kỳ.

1.2. Chi phí tổn thất điện năng từ công tơ tổng đặt tại trạm biến áp thôn, xã đến hộ dân nông thôn.

Hiện nay chi phí này đang chiếm tỷ trọng lớn. Các tổ chức quản lý điện nông thôn cần quản lý chặt chẽ, thực hiện các biện pháp giảm tổn thất điện năng: hộ sử dụng điện phải có công tơ đo đếm điện chính xác do cơ quan chuyên môn kiểm định, kẹp chì, niêm phong và phù hợp với phụ tải sử dụng điện. Tăng cường củng cố lưới điện, thường xuyên phát quang hành lang lưới điện, bảo đảm chất lượng và an toàn. Không tính vào chi phí tổn thất điện năng lượng điện phục vụ công cộng và các mục đích khác tại thôn, xã mà không thu tiền điện (ánh sáng công cộng, trạm xá, trường học, Ủy ban nhân dân xã, v.v...).

Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nội quy, quy định trong sử dụng điện. Tuyệt đối không được dùng hình thức khoán sử dụng điện.

1.3. Chi phí tiền công cho nhân viên quản lý điện xã, thôn:

Căn cứ vào mức thu nhập trong thôn, xã và kết quả quản lý, vận hành lưới điện của các tổ chức quản lý điện để xác định tiền công và mức thu nhập của nhân viên quản lý điện cho hợp lý.

1.4. Chi phí khấu hao trạm và đường dây: Hệ thống lưới điện ở nông thôn được hình thành từ nhiều nguồn vốn (Ngân sách Trung ương, địa phương, hợp tác xã, vốn vay hoặc do nhân dân đóng góp). Vì vậy, việc tính khấu hao cần hợp lý

nhằm bảo đảm giá bán điện không được vượt mức giá trần 700đồng/kwh. Trường hợp phải hoàn trả vốn vay dẫn đến giá bán điện cao hơn mức giá trần thì phải được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt và thông báo công khai đến hộ sử dụng điện.

1.5. Chi phí sửa chữa:

- Chi phí sửa chữa thường xuyên (sửa chữa nhỏ) dựa vào yêu cầu thực tế để tính cho hợp lý.

- Chi phí sửa chữa lớn (đại tu lưới điện) được tính vào giá điện nhưng không được vượt mức giá trần (700đồng/kwh) bán đến hộ dân nông thôn. Nếu vượt mức giá trần thì tổ chức quản lý điện nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để huy động các nguồn vốn: khấu hao cơ bản (nếu có), vốn ngân sách địa phương hoặc huy động đóng góp của hộ sử dụng điện.

1.6. Chi phí quản lý: là chi phí mua văn phòng phẩm, dụng cụ và chi phí cần thiết khác phục vụ quá trình vận hành mua bán điện.

1.7. Trường hợp tài sản lưới điện được hình thành từ vốn vay thì tính chi phí trả lãi vay vào giá bán điện.

2. Việc tính thuế giá trị gia tăng đối với các mức giá điện bán đến hộ dân nông thôn của các tổ chức quản lý điện nông thôn thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ BÁN ĐIỆN ĐẾN HỘ DÂN NÔNG THÔN

1. Các tổ chức quản lý điện nông thôn (kể cả Điện lực tỉnh, thành phố) thực hiện việc tổ chức quản lý và bán điện trực tiếp đến hộ dân nông thôn theo mức giá tại điểm 2,3 mục II nêu trên.

2. Các tổ chức quản lý điện nông thôn phải xây

dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt và thông báo công khai đến hộ sử dụng điện biết và thực hiện.

3. Các tổ chức quản lý điện nông thôn phải thực hiện thống kê và hạch toán rõ ràng, công khai theo đúng chế độ thống kê, kế toán của Nhà nước.

V. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ ĐIỆN NÔNG THÔN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

1.1. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể tại địa phương để chọn các mô hình quản lý và bán điện đến hộ dân nông thôn (ngoài Điện lực tỉnh, thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam). Các mô hình quản lý điện nông thôn được thành lập theo nguyên tắc bảo đảm hoạt động có hiệu quả, an toàn, chất lượng và đặc biệt chú trọng tới mức giá bán điện đến hộ dân nông thôn.

1.2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan thuộc tỉnh, thành phố phối hợp với Điện lực tỉnh, thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam trong việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên quản lý, vận hành lưới điện nông thôn.

1.3. Giao trách nhiệm cho các cấp chính quyền địa phương (huyện, xã) phối hợp với tổ chức quản lý điện nông thôn, Điện lực các tỉnh, thành phố trong việc bảo vệ tài sản, chống trộm cắp điện và phát quang hành lang lưới điện.

1.4. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương như: Sở Công nghiệp, Sở Tài chính Vật giá, Thanh tra Nhà nước địa phương thường xuyên tiến hành kiểm tra, thanh tra việc tổ chức bán điện đến hộ dân nông thôn, đặc biệt là việc chống tổn thất điện năng và mức giá bán điện.

2. Tổng Công ty Điện lực Việt Nam:

2.1. Chỉ đạo Điện lực các tỉnh, thành phố quản lý, vận hành và bán điện đến hộ dân nông thôn theo mức giá tại điểm 2,3 mục II của Thông tư hướng dẫn này đối với lưới điện do Điện lực tỉnh, thành phố thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam quản lý.

2.2. Chỉ đạo các Công ty Điện lực phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Thông tư này.

2.3. Có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức quản lý điện nông thôn trong việc đào tạo nhân viên vận hành, quản lý lưới điện và tổ chức bán điện đến hộ dân nông thôn. Chi phí này được hạch toán vào chi phí đào tạo của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

2.4. Hướng dẫn tổ chức quản lý điện nông thôn xây dựng nội quy quản lý và quy trình vận hành, sửa chữa lưới điện bảo đảm an toàn và hiệu quả.

2.5. Các Công ty điện lực và Điện lực tỉnh, thành phố thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, thành phố trong việc kiểm tra tình hình quản lý, vận hành lưới điện nông thôn, quản lý bán điện và giá bán điện đến hộ dân nông thôn.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Thông tư liên Bộ số 18/TT-LB ngày 03 tháng 8 năm 1992 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công nghiệp) - Ủy ban Vật giá Nhà nước (nay là Ban Vật giá Chính phủ).

2. Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức quản lý, vận hành lưới điện ở nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Ban Vật giá Chính phủ, Bộ Công nghiệp chỉ đạo và giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Thông tư này và tiếp tục theo dõi, tổng kết để bổ sung điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Ban Vật giá Chính phủ và Bộ Công nghiệp để kịp thời xử lý.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thứ trưởng

THÁI PHỤNG NÊ

KT. Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ
Phó Trưởng ban

LÊ VĂN TÂN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN**

QUYẾT ĐỊNH số 13/1999/QĐ/BNN-CS
ngày 16/1/1999 về việc ban hành
Quy định sửa đổi về tín dụng và
tiết kiệm.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;